

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
4	Công an xã Phú Tân	0,33		0,33	X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH2022. Thay đổi quy mô và vị trí so với QHSDD đến 2030 được duyệt theo đề nghị của Công An
5	Công an xã Phú Tâm	0,19		0,19	X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2022
6	Công an xã Thuận Hòa	0,11		0,11	X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2022
7	Công an Thị trấn Châu Thành	0,11		0,11	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2022
8	Công an xã An Ninh	0,17		0,17	X. An Ninh	Chuyển tiếp từ KH2022

c. Đất khu công nghiệp

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất khu công nghiệp huyện là 202,33 ha, chiếm 0,86% DTTN.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 202,33 ha.

- Chu chuyển giảm 0,00 ha.

- Chu chuyển tăng 161,00 ha do nhận từ đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước).

- Cân đối tăng 161,00 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất khu công nghiệp được bố trí 363,33 ha, chiếm 1,54% DTTN, tăng 161,00 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 23: Chỉ tiêu KHSDD đất khu công nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	202,33	363,33	161,00
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	-	-	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	202,33	335,33	133,00
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	28,00	28,00
8	X. Phú Tâm	-	-	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 24: Danh mục các công trình đất khu công nghiệp

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Dự án Mở rộng Khu Công nghiệp An nghiệp	161,00		161,00	X. An Hiệp, X. Phú Tân	Đăng ký mới

d. Đất cụm công nghiệp

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất cụm công nghiệp huyện là 54,07 ha, chiếm 0,23% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 54,07 ha.
- Chu chuyển giảm: 0,00 ha.
- Chu chuyển tăng 100,00 ha do nhận từ đất trồng lúa 82,13 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây lâu năm 1,92 ha, đất nông nghiệp khác 13,15 ha, đất ở tại nông thôn 0,69 ha, đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp 2,11 ha.
- Cân đối tăng 100,00 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất cụm công nghiệp được bố trí 154,07 ha, chiếm 0,65% DTTN, tăng 100,00 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 25: Chỉ tiêu KHSDD đất cụm công nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	54,07	154,07	100,00
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	54,07	104,07	50,00
3	X. Thuận Hòa	-	50,00	50,00
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	-	-	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 26: Danh mục các công trình đất cụm công nghiệp

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Cụm công nghiệp Xây Đá B mới	50,00		50,00	X. Hồ Đắc Kiện	Chuyển tiếp từ KH2019
2	Cụm công nghiệp Thuận Hòa	50,00		50,00	X. Thuận hòa	Chuyển tiếp từ KH2023

e. Đất thương mại, dịch vụ

Đất thương mại dịch vụ là đất được sử dụng nhằm mục đích xây dựng các cơ sở hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ hoặc xây dựng các công trình khác nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh, thương mại, dịch vụ. Đây là loại hình hoạt động ít gây ô nhiễm môi trường và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện và của tỉnh.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Châu Thành cũng đã định hướng bố trí khu vực chuyển mục đích trên bản đồ và phân bổ chỉ tiêu từ cấp tỉnh. Tuy nhiên, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực, phát sinh của người dân, năm 2024, khu vực được phép chuyển mục đích lên đất thương mại dịch vụ từ tim đường vào 70 m cấp theo tuyến Quốc lộ; từ tim đường vào 50 m cấp theo các tuyến đường tỉnh; từ tim đường vào 40 m cấp theo các tuyến đường huyện, các tuyến giao thông hiện hữu, giao thông mới,... và xen kẽ trong khu dân cư để nhân dân thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện Châu Thành.

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất thương mại, dịch vụ huyện là 28,27 ha, chiếm 0,12% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 28,27 ha.

- Chu chuyển giảm 0,00 ha.

- Chu chuyển tăng 7,96 ha do nhận từ đất trồng lúa 3,95 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây lâu năm 3,45 ha, đất an ninh 0,11 ha, đất ở tại nông thôn 0,10 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,35 ha để thực hiện các dự án, cho phép chuyển mục đích nhỏ lẻ kết hợp đất ở ở các tuyến dân cư, khu dân cư để phát triển hoạt động thương mại dịch vụ của địa phương.

- Cân đối tăng 8,56 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất thương mại, dịch vụ được bố trí 36,23 ha, chiếm 0,15% DTTN, tăng 7,96 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 27: Chỉ tiêu KHSDD đất thương mại, dịch vụ theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	28,27	36,23	7,96
1	TT. Châu Thành	1,22	2,68	1,46
2	X. Hồ Đắc Kien	12,06	13,06	1,00
3	X. Thuận Hòa	0,13	1,08	0,95
4	X. Thiện Mỹ	0,32	1,27	0,95
5	X. An Hiệp	9,22	10,22	1,00
6	X. An Ninh	2,97	3,97	1,00
7	X. Phú Tân	1,60	2,45	0,85
8	X. Phú Tâm	0,74	1,49	0,75

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 28: Danh mục các công trình đất thương mại, dịch vụ*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Dự kiến chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ để kêu gọi đầu tư dự án	0,46		0,46	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2019; thay đổi tên gọi
2	Chuyển mục đích đất thương mại, dịch vụ nhỏ lẻ	7,50		7,50	Các xã, thị trấn	Đăng ký mới

f. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp huyện là 21,35 ha, chiếm 0,09% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 21,32 ha.
- Chu chuyển giảm 0,02 ha sang đất công trình năng lượng.
- Chu chuyển tăng 0,26 ha do nhận từ đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp để thực hiện các dự án cấp nước cho người dân tại xã Hồ Đắc Kien.
- Cân đối tăng 0,23 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được bố trí 21,58 ha, chiếm 0,09% DTTN, tăng 0,23 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 29: Chỉ tiêu KHSDD đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	21,35	21,58	0,23
1	TT. Châu Thành	3,05	3,05	-
2	X. Hồ Đắc Kien	0,38	0,63	0,26
3	X. Thuận Hòa	1,85	1,85	-
4	X. Thiện Mỹ	0,31	0,31	-
5	X. An Hiệp	11,35	11,33	-0,02
6	X. An Ninh	1,84	1,84	-
7	X. Phú Tân	0,09	0,09	-
8	X. Phú Tâm	2,47	2,47	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 30: Danh mục các công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Hồ Đắc Kien	0,26		0,26	X. Hồ Đắc Kien	Đăng ký mới

g. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm huyện là 7,16 ha, chiếm 0,03% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2024, ổn định theo hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 31: Chỉ tiêu KHSDD đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	7,16	7,16	-
1	TT. Châu Thành	0,41	0,41	-
2	X. Hồ Đắc Kien	-	-	-
3	X. Thuận Hòa	3,93	3,93	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	2,83	2,83	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	-	-	-

h. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Diện tích hiện trạng năm 2023 diện tích đất phát triển hạ tầng huyện là 1.549,62 ha, chiếm 6,56% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2024 đất phát triển hạ tầng được bố trí 1.570,05 ha, chiếm 6,65% DTTN, tăng 20,42 ha so với hiện trạng 2023. Diện tích tăng được nhận từ đất nông nghiệp và nội bộ đất phi nông nghiệp.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 32: Chỉ tiêu KHSDD đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	1.549,62	1.570,05	20,42
1	TT. Châu Thành	56,73	59,38	2,65
2	X. Hồ Đắc Kien	276,39	283,25	6,86
3	X. Thuận Hòa	156,08	156,80	0,72
4	X. Thiện Mỹ	125,08	125,08	-
5	X. An Hiệp	249,56	251,41	1,85
6	X. An Ninh	224,38	229,29	4,91
7	X. Phú Tân	195,16	196,91	1,75
8	X. Phú Tân	266,24	267,94	1,69

Cụ thể các loại đất như sau:

+ Đất giao thông:

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất giao thông huyện là 352,41 ha, chiếm 1,49% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 352,41 ha.
- Chu chuyển giảm 0,005 ha sang đất công trình năng lượng.
- Chu chuyển tăng 17,90 ha do nhận từ đất trồng lúa 8,02 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây hàng năm khác 3,36 ha, đất trồng cây lâu năm 5,64 ha, đất ở tại nông thôn 0,87 ha.
- Cân đối tăng 17,90 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất giao thông được bố trí 370,31 ha, chiếm 1,57% DTTN, tăng 17,90 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

+ Đất thủy lợi:

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất thủy lợi huyện là 1.022,64 ha, chiếm 4,33% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.022,47 ha.

- Chu chuyển giảm 0,17 ha sang đất chợ.

- Chu chuyển tăng 0,00 ha.

- Cân đối tăng 0,17 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất thủy lợi được bố trí 1.022,47 ha, chiếm 4,33% DTTN, giảm 0,17 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 35: Chỉ tiêu KHSDD đất thủy lợi theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	1.022,64	1.022,47	-0,17
1	TT. Châu Thành	20,86	20,69	-0,17
2	X. Hồ Đắc Kien	218,11	218,11	-
3	X. Thuận Hòa	69,09	69,09	-
4	X. Thiện Mỹ	86,77	86,77	-
5	X. An Hiệp	145,65	145,65	-
6	X. An Ninh	144,81	144,81	-
7	X. Phú Tân	126,86	126,86	-
8	X. Phú Tâm	210,48	210,48	-

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất xây dựng cơ sở văn hóa huyện là 15,44 ha, chiếm 0,07% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

Diện tích năm kế hoạch 2024, ổn định theo hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 36: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở văn hóa theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	15,44	15,44	-
1	TT. Châu Thành	4,52	4,52	-
2	X. Hồ Đắc Kien	0,72	0,72	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	0,06	0,06	-

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
5	X. An Hiệp	0,21	0,21	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	9,81	9,81	-
8	X. Phú Tâm	0,11	0,11	-

+ Đất xây dựng cơ sở y tế:

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất xây dựng cơ sở y tế huyện là 6,38 ha, chiếm 0,03% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 4,69 ha.
- Chuyển giảm 1,69 ha sang đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp.
- Chuyển tăng 0,16 ha do nhận từ đất trồng cây hàng năm khác 0,13 ha, đất ở tại nông thôn 0,03 ha.
- Cân đối tăng 1,53 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất xây dựng cơ sở y tế được bố trí 4,85 ha, chiếm 0,02% DTTN, giảm 1,53 ha so với hiện trạng năm 2023.

Ngoài ra, trong năm 2024 có 3 trạm y tế của TT. Châu Thành, xã Thiện Mỹ và xã An Ninh xây hạ tầng trên nền hiện trạng và thực hiện công tác giao đất hiện hữu.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 37: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở y tế theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	6,38	4,85	-1,53
1	TT. Châu Thành	5,31	3,63	-1,69
2	X. Hồ Đắc Kien	0,23	0,23	-
3	X. Thuận Hòa	0,38	0,54	0,16
4	X. Thiện Mỹ	0,11	0,11	-
5	X. An Hiệp	0,10	0,10	-
6	X. An Ninh	0,12	0,12	-
7	X. Phú Tân	0,06	0,06	-
8	X. Phú Tâm	0,07	0,07	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 38: Danh mục các công trình y tế*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Trạm Y Tế xã Thuận Hòa	0,16		0,16	X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2021. Thay đổi quy mô dự án
2	Trạm y tế mới TT Châu Thành	0,10	0,10		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2023. Thay đổi quy mô dự án
3	Trạm y tế xã Thiện Mỹ	0,10	0,10		X. Thiện Mỹ	Đăng ký mới
4	Trạm y tế xã An Ninh	0,12	0,12		X. An Ninh	Đăng ký mới

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo huyện là 24,79 ha, chiếm 0,10% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 24,35 ha.
- Chu chuyển giảm 0,44 ha. Trong đó, giảm sang đất an ninh 0,42 ha, đất ở tại nông thôn 0,02 ha.
- Chu chuyển tăng 0,44 ha do nhận từ đất trồng lúa 0,08 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,36 ha.
- Cân đối tăng 0,00 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo được bố trí 24,80 ha, chiếm 0,11% DTTN, tăng 0,00 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 39: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	24,79	24,80	-
1	TT. Châu Thành	4,40	4,40	-
2	X. Hồ Đắc Kien	2,81	2,77	-0,04
3	X. Thuận Hòa	1,36	1,36	-
4	X. Thiện Mỹ	2,68	2,68	-
5	X. An Hiệp	4,38	4,38	-
6	X. An Ninh	3,82	3,73	-0,09
7	X. Phú Tân	2,47	2,62	0,16
8	X. Phú Tâm	2,87	2,85	-0,02

Ngoài ra, trong năm kế hoạch đưa vào giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một số cơ sở giáo dục đủ điều kiện trên nền đất hiện hữu.

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 40: Danh mục các công trình cơ sở giáo dục và đào tạo

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Mở rộng Trường Mầm non Phú Tân	0,59	0,23	0,36	X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH 2022. Thay đổi quy mô dự án
2	Mở rộng trường Tiểu học và THCS Hồ Đắc Kiện	0,08		0,08	X. Hồ Đắc Kiện	Đăng ký mới
3	Trường tiểu học Thiện Mỹ	0,42	0,42		X. Thiện Mỹ	Đăng ký mới
4	Trường Mầm Non Thiện Mỹ	0,55	0,55		X. Thiện Mỹ	Đăng ký mới
5	Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện	0,55	0,55		X. Hồ Đắc Kiện	Đăng ký mới
6	Trường TH Thuận Hòa (Điểm Sa Bâu)	0,51	0,51		X. Thuận Hòa	Đăng ký mới

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao huyện là 5,10 ha, chiếm 0,02% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 4,74 ha.
- Chuyển giảm 0,36 ha sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo.
- Chuyển tăng 0,00 ha.
- Cân đối giảm 0,36 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao được bố trí 4,74 ha, chiếm 0,02% DTTN, giảm 0,36 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 41: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	5,10	4,74	-0,36
1	TT. Châu Thành	0,89	0,89	-
2	X. Hồ Đắc Kiện	1,03	1,03	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	1,22	1,22	-
7	X. Phú Tân	0,62	0,26	-0,36
8	X. Phú Tâm	1,34	1,34	-

+ Đất công trình năng lượng:

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất công trình năng lượng huyện là 2,42 ha, chiếm 0,01% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2,42 ha.
- Chu chuyển giảm 0,00 ha.
- Chu chuyển tăng 0,36 ha do nhận từ đất trồng lúa 0,28 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây hàng năm khác 0,01 ha, đất trồng cây lâu năm 0,01 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,02 ha, đất giao thông 0,00 ha, đất thủy lợi 0,00 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,02 ha, đất ở tại nông thôn 0,01 ha.
- Cân đối tăng 0,36 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất công trình năng lượng được bố trí 2,78 ha, chiếm 0,01% DTTN, tăng 0,36 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 42: Chỉ tiêu KHSDD đất công trình năng lượng theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	2,42	2,78	0,36
1	TT. Châu Thành	0,17	0,22	0,06
2	X. Hồ Đắc Kien	1,54	1,64	0,11
3	X. Thuận Hòa	0,17	0,23	0,06
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	0,09	0,09
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	0,05	0,05
8	X. Phú Tâm	0,55	0,55	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 43: Danh mục các công trình năng lượng

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ- Châu Thành- Phụng Hiệp- Sóc Trăng	0,36		0,36	TT. Châu Thành, X. An Hiệp, X. Hồ Đắc Kien, X. Thuận Hòa, X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH2020. Thay đổi quy mô theo nhu cầu đăng ký của Ban QLLĐ Miền Nam

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
3	X. Thuận Hòa	2,30	2,30	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	0,33	0,33	-
6	X. An Ninh	0,84	0,84	-
7	X. Phú Tân	0,10	0,10	-
8	X. Phú Tâm	0,32	0,32	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 46: Danh mục các công trình đất bãi thải, xử lý chất thải

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Trạm xử lý nước thải	0,45		0,45	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2023

+ Đất cơ sở tôn giáo

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất cơ sở tôn giáo huyện là 32,99 ha, chiếm 0,14% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2024, ổn định theo hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 47: Chỉ tiêu KHSDD đất cơ sở tôn giáo theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	32,99	32,99	-
1	TT. Châu Thành	0,06	0,06	-
2	X. Hồ Đắc Kien	1,50	1,50	-
3	X. Thuận Hòa	2,17	2,17	-
4	X. Thiện Mỹ	2,04	2,04	-
5	X. An Hiệp	8,27	8,27	-
6	X. An Ninh	5,00	5,00	-
7	X. Phú Tân	11,10	11,10	-
8	X. Phú Tâm	2,85	2,85	-

Ngoài ra, trong năm 2024 còn đưa 03 danh mục cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện đủ điều kiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được thực hiện trên nền hiện trạng.

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 48: Danh mục các công trình cơ sở tôn giáo*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Chùa Proleng	1,03	1,03		X. Thiện Mỹ	Đăng ký mới
2	Chùa Bửu Tâm	0,23	0,23		X. Phú Tân	Đăng ký mới
3	Chùa Phật Minh	0,07	0,07		X. Phú Tân	Đăng ký mới

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng huyện là 81,90 ha, chiếm 0,35% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 81,69 ha.
- Chu chuyển giảm 0,21 ha. Trong đó, giảm sang đất an ninh 0,19 ha, đất công trình năng lượng 0,02 ha.
- Chu chuyển tăng 0,00 ha.
- Cân đối giảm 0,21 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng được bố trí 81,69 ha, chiếm 0,35% DTTN, giảm 0,21 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 49: Chỉ tiêu KHSĐĐ đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	81,90	81,69	-0,21
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	1,33	1,33	-
3	X. Thuận Hòa	0,68	0,68	-
4	X. Thiện Mỹ	1,55	1,55	-
5	X. An Hiệp	20,39	20,37	-0,02
6	X. An Ninh	30,69	30,69	-
7	X. Phú Tân	12,19	12,19	-
8	X. Phú Tâm	15,07	14,89	-0,19

+ Đất chợ:

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất chợ huyện là 1,30 ha, chiếm 0,01% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1,28 ha.
- Chu chuyển giảm 0,02 ha sang đất ở tại nông thôn để thực hiện Bán đấu giá chợ cũ Bung Tróp A.
- Chu chuyển tăng 4,00 ha do nhận từ đất trồng lúa 1,88 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây hàng năm khác 0,46 ha, đất trồng cây lâu năm 0,41 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,17 ha, đất thủy lợi 0,17 ha, đất ở tại đô thị 0,91 ha.
- Cân đối tăng 3,98 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất chợ được bố trí 35,28 ha, chiếm 0,02% DTTN, tăng 3,98 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 50: Chỉ tiêu KHSDD đất chợ theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	1,30	5,28	3,98
1	TT. Châu Thành	0,07	4,07	4,00
2	X. Hồ Đắc Kien	0,29	0,29	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	0,21	0,21	-
5	X. An Hiệp	0,46	0,44	-0,02
6	X. An Ninh	0,14	0,14	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	0,13	0,13	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 51: Danh mục các công trình đất chợ

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Chợ trung tâm huyện	4,00		4,00	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020

i. Đất sinh hoạt cộng đồng

Hiện trạng năm 2023, đất sinh hoạt cộng đồng huyện là 2,01 ha, chiếm 0,01% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2,01 ha.
- Chu chuyển giảm: 0,00 ha.
- Chu chuyển tăng 0,06 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm.

- Cân đối tăng 0,06 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất sinh hoạt cộng đồng được bố trí 2,07 ha, chiếm 0,01% DTTN, tăng 0,05 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 52: Chỉ tiêu KHSDD đất sinh hoạt cộng đồng theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	2,01	2,07	0,06
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	0,14	0,14	-
3	X. Thuận Hòa	0,06	0,06	-
4	X. Thiện Mỹ	0,08	0,08	-
5	X. An Hiệp	0,18	0,21	0,03
6	X. An Ninh	0,84	0,86	0,03
7	X. Phú Tân	0,20	0,20	-
8	X. Phú Tâm	0,52	0,52	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 53: Danh mục các công trình đất sinh hoạt cộng đồng

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Nhà văn hóa ấp Bung Tróp A (Nhà sinh hoạt cộng đồng)	0,03		0,03	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2023. Thay đổi tên gọi
2	Nhà văn hóa ấp Phú Ninh (Nhà sinh hoạt cộng đồng)	0,03		0,03	X. An Ninh	Đăng ký mới

j. Đất ở tại nông thôn

Phát triển các cụm dân cư nông thôn phải gắn kết với hình thành và phát triển các loại hình du lịch sinh thái miệt vườn mang đặc trưng của vùng Đồng bằng sông nước Cửu Long. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí các công trình công cộng cần thiết như: nhà trẻ, trường học, cửa hàng, cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc và đảm bảo an ninh quốc phòng. Năm 2024, khu vực cho phép chuyển mục đích lên đất ở từ tim đường vào 70 m cấp theo tuyến Quốc lộ; từ tim đường vào 50m cấp theo các tuyến đường tỉnh; từ tim đường vào 40 m cấp theo các tuyến đường huyện, các tuyến giao thông hiện hữu, giao thông mới như đường Na tung-Cây Sộp, đường Ba Hú-Tăng Sến, đường Cầu Chùa, đường Rạch Sa Bâu, đường Bung Tróp B-An Tập, đường giao thông B ấp Mỹ Đức,... và các loại đất khác xen kẽ trong khu dân cư hiện có tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở góp phần chỉnh trang bộ mặt nông thôn. Đồng thời,

huyện dự kiến sắp xếp quỹ đất trên cơ sở bán đấu giá một số khu đất trên địa bàn huyện Châu Thành.

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất ở tại nông thôn huyện là 417,35 ha, chiếm 1,77% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 415,66 ha.

- Chu chuyển giảm 1,69 ha. Trong đó, giảm sang đất cụm công nghiệp 0,69 ha, đất thương mại, dịch vụ 0,10 ha, đất giao thông 0,87 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,03 ha, đất công trình năng lượng 0,01 ha.

- Chu chuyển tăng 21,91 ha do nhận từ đất trồng lúa 16,14 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây lâu năm 5,67 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha, đất chợ 0,02 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,07 ha.

- Cân đối tăng 20,22 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất ở tại nông thôn được bố trí 437,57 ha, chiếm 1,85% DTTN, tăng 20,22 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 54: Chỉ tiêu KHSDD đất ở tại nông thôn theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	417,35	437,57	20,22
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	67,97	69,22	1,26
3	X. Thuận Hòa	55,03	59,18	4,15
4	X. Thiện Mỹ	42,87	44,07	1,20
5	X. An Hiệp	86,32	87,50	1,19
6	X. An Ninh	67,23	69,13	1,90
7	X. Phú Tân	49,41	58,27	8,86
8	X. Phú Tâm	48,53	50,20	1,67

Ngoài ra, trong năm 2024 còn thực hiện đấu giá, kêu gọi đầu tư một số dự án trên nền hiện trạng đất công đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định 389/QĐ-UBND ngày 18/2/2019 về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 55: Danh mục các công trình đất ở tại nông thôn*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Khu dân cư Thuận Hòa	3,87	0,03	3,84	X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH 2022
2	Khu nhà ở xã hội Kỳ Hòa	8,00	0,09	7,91	X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH 2022
3	Bán đấu giá trụ sở công an cũ	0,02		0,02	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2020
4	Bán đấu giá chợ cũ Bưng Tróp A	0,02		0,02	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2020
5	Bán đấu giá ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm (cũ)	0,05		0,05	X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2020
6	Bán đấu giá trường tiểu học Phú Tâm B	0,02	0,02		X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2022
7	Bán đấu giá thửa số 39 tờ bđ 40	0,10	0,10		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2019. Đấu giá Hiện trạng
8	Bán đấu giá đất thổ cư thửa số 37, tờ số 25	0,02	0,02		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2019. Đấu giá Hiện trạng
9	Bán đấu giá thửa đất số 69 tờ bản đồ số 12	0,10	0,10		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng
10	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	10,05		10,05	Các xã trên địa bàn huyện	Đăng ký mới

k. Đất ở tại đô thị

Phát triển đô thị trung tâm thị trấn phải gắn kết với hình thành và phát triển các cụm dân cư dọc các tuyến đường chính. Năm 2024, khu vực cho phép chuyển mục đích lên đất ở từ tim đường vào 70 m cặp theo tuyến Quốc lộ; từ tim đường vào 50 m cặp theo các tuyến đường tỉnh; từ tim đường vào 40 m cặp theo các tuyến đường huyện, các tuyến giao thông hiện hữu, giao thông mới và các loại đất khác xen kẽ trong khu dân cư hiện có tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở góp phần chỉnh trang bộ mặt đô thị.

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất ở tại đô thị huyện là 40,47 ha, chiếm 0,17% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 39,56 ha.
- Chuyển giảm 0,91 ha sang đất chợ.

- Chu chuyển tăng 2,50 ha do nhận từ đất trồng lúa 1,70 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây lâu năm 0,80 ha.

- Cân đối tăng 1,59 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất ở tại đô thị được bố trí 42,06 ha, chiếm 0,18% DTTN, tăng 1,59 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 56: Chỉ tiêu KHSDD đất ở tại đô thị theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	40,47	42,06	1,59
1	TT. Châu Thành	40,47	42,06	1,59
2	X. Hồ Đắc Kien	-	-	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	-	-	-

Ngoài ra, trong năm 2024 còn thực hiện đấu giá, kêu gọi đầu tư một số dự án trên nền hiện trạng đất công đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định 389/QĐ-UBND ngày 18/2/2019 về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 57: Danh mục các công trình đất ở tại đô thị

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Khu Nhà ở thương mại	2,30	2,30		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020
2	Bán đấu giá Dãy A khu phố chợ Thuận Hòa	0,42	0,42		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng
3	Bán đấu giá Dãy E khu phố chợ Thuận Hòa (03 lô)	0,25	0,25		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020
4	Đấu giá cho thuê đất 02 bên đường vào khu hành chính (đất trồng kê bua điện)	0,04	0,04		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng
5	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	2,50		2,50	TT. Châu Thành	Đăng ký mới

l. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất xây dựng trụ sở cơ quan huyện là 11,10 ha, chiếm 0,05% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 10,36 ha.
- Chu chuyển giảm 0,74 ha. Trong đó, giảm sang đất an ninh 0,32 ha, đất thương mại, dịch vụ 0,35 ha, đất ở tại nông thôn 0,07 ha.
- Chu chuyển tăng là 0,00 ha.
- Cân đối giảm 0,74 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất xây dựng trụ sở cơ quan được bố trí 10,36 ha, chiếm 0,04% DTTN, giảm 0,74 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 58: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng trụ sở cơ quan theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	11,10	10,36	-0,74
1	TT. Châu Thành	7,84	7,38	-0,46
2	X. Hồ Đắc Kien	0,25	0,25	-
3	X. Thuận Hòa	0,84	0,84	-
4	X. Thiện Mỹ	0,91	0,80	-0,10
5	X. An Hiệp	0,22	0,09	-0,13
6	X. An Ninh	0,22	0,22	-
7	X. Phú Tân	0,68	0,68	0,00
8	X. Phú Tâm	0,14	0,09	-0,05

m. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp huyện là 5,30 ha, chiếm 0,02% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2,93 ha.
- Chu chuyển giảm 2,37 ha. Trong đó, giảm sang đất cụm công nghiệp 2,11 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,26 ha.
- Chu chuyển tăng 1,69 ha do nhận từ đất xây dựng cơ sở y tế.
- Cân đối giảm 0,68 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp được bố trí 4,61 ha, chiếm 0,02% DTTN, giảm 0,68 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 59: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	5,30	4,61	-0,68
1	TT. Châu Thành	0,19	1,88	1,69
2	X. Hồ Đắc Kien	1,17	0,92	-0,26
3	X. Thuận Hòa	2,11	-	-2,11
4	X. Thiện Mỹ	0,16	0,16	-
5	X. An Hiệp	1,06	1,06	-
6	X. An Ninh	0,13	0,13	-
7	X. Phú Tân	0,43	0,43	-
8	X. Phú Tâm	0,04	0,04	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 60: Danh mục các công trình trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Khu trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1,69		1,69	TT. Châu Thành	Đăng ký mới

n. Đất tín ngưỡng

Diện tích hiện trạng năm 2023, Đất tín ngưỡng huyện là 4,92 ha, chiếm 0,02% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2024, ổn định theo hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 61: Chỉ tiêu KHSDD đất tín ngưỡng theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	4,92	4,92	-
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	0,22	0,22	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	0,15	0,15	-
5	X. An Hiệp	1,43	1,43	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	0,47	0,47	-
8	X. Phú Tâm	2,65	2,65	-

o. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối huyện là 281,89 ha, chiếm 1,19% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2024, ổn định theo hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 62: Chỉ tiêu KHSDD đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	281,89	281,89	-
1	TT. Châu Thành	33,53	33,53	-
2	X. Hồ Đắc Kien	25,75	25,75	-
3	X. Thuận Hòa	28,39	28,39	-
4	X. Thiện Mỹ	25,45	25,45	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	34,70	34,70	-
7	X. Phú Tân	57,62	57,62	-
8	X. Phú Tâm	76,45	76,45	-

(3). Đất chưa sử dụng

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 không còn đất chưa sử dụng, do vậy trong năm kế hoạch 2024 diện tích chỉ tiêu đất chưa sử dụng bằng không.